

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 473/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Tuyết D, sinh năm 1984. Địa chỉ: D đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1980. Địa chỉ: D đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01 ngày 12/10/2007). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông T và bà D về chung sống tại địa chỉ: D đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù, cùng sinh sống trong một mái nhà nhưng vợ chồng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông T và bà D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Trường C, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2008. Ly hôn vợ

chồng thông nhất thoả thuận ông T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trường C. Bà Trần Thị Tuyết D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2025.

Ông T và bà D tự nguyện thoả thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thoả thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Quang T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trường C, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2008. Bà Trần Thị Tuyết D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2025.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Tuyết D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng bà Trần Thị Tuyết D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D xác nhận không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009414 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Tuyết D đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND thị trấn Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang